TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI - TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 11 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hùng
2. Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2017/QĐXX- ST ngày 14 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Phương N, sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp TNĐ, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp NB, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bà Trần Thị L1, sinh năm 1958 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp NB, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày18/9/2017và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Phương Nh trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị N và anh Đ tổ chức đám cưới vào ngày 28/12/2014, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về sống chung gia đình anh Đ, sau đó thì ra ở riêng. Trong quá trình chung sống được khoảng một năm thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp về tính tình, thường xuyên xảy ra cự cải. Anh chị đã ly thân nhau khoảng mười tháng nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24k được cha mẹ chồng cho trong ngày cưới. vợ chồng chị có gởi bà L là mẹ ruột của chị quản lý đến năm 2016 bà L1 là mẹ chồng chị có gọi điện thoại cho mẹ ruột của chị hỏi mượn 10 chỉ vàng 24k để mua vật liệu xây dựng nhà. Sau đó vợ chồng chị đã nhận lại 10 chỉ vàng 24k và anh Đ là người trực tiếp bán 10 chỉ vàng 24k được số tiền 32.000.000 đồng dùng mua võ, máy, bình đề, thùng loa để phục vụ việc bán đồ tươi.

Ngoài ra vợ chồng có các tài sản chung khác như sau: Một nền nhà và căn nhà ngang 4m, dài 6,5m xây mặt gió, lợp tol, vách lá được xây dựng vào năm 2016. Nhà và đất là của bà L1 và do bà L1 xây dựng cho.

- Về nợ người khác và người khác nợ lại: Chị N xác định không có.

** Bị đơn anh Lê Minh Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Đ xác định lời trình bày của chị N về thời gian tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân là đúng. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Khi kết hôn, cha mẹ của anh có cho vợ chồng anh 10 chỉ vàng 24k. Sau khi kết hôn anh chị đã giao hết số vàng cho mẹ ruột của chị N là bà Nguyễn Thị L quản lý. Sau đó, anh chị thống nhất bán 10 chỉ vàng 24k được số tiền 32.000.000 đồng để mua võ Hữu Vui dài 6,7m trị giá 9.000.000 đồng, máy xe hiệu Kubota trị giá 15.000.000 đồng, bình đề máy xe hiệu Rạng Đông và thùng loa hiệu TAT để bán đồ tươi trị giá 2.000.000 đồng. Số tiền còn lại anh dùng để làm vốn mua rau cải bán đồ tươi. Số tài sản này hiện nay do anh quản lý. Do đó lời trình bày của chị N về việc mẹ anh mượn mua vật liệu xây dựng nhà là không có.

Riêng đối với diện tích đất ngang 4m, dài 6,5m và căn nhà xây dựng trên đất anh Đảm xác định là của bà Loan, nhà được xây dựng vào năm 2016 là do mẹ anh bà L1 xuất tiền xây dựng để vợ chồng ở tạm.

- Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N và anh Đ xác định giá trị còn lại các tài sản nêu trên là 10.000.000 đồng và không yêu cầu định giá tài sản. Khi ly hôn chị N và anh Đ thỏa thuận chị N giao lại tất cả các tài sản gồm 01 võ Composite hiệu Hữu Vui dài 6,7m, 01 máy xe hiệu Kubota, 01 bình đề máy xe hiệu Rạng Đông, 01 thùng loa hiệu TAT cho anh Đ được hưởng, anh Đ phải trừ lại giá trị tài sản được hưởng để trả lại cho chị N 02 chỉ vàng 24k. Riêng 01 căn nhà xây dựng trên phần đất ngang 4m, dài 6,5m chị N và anh Đ xác định là tài sản của bà L1 nên giao trả lại cho bà L1, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với số nợ của bà L1 trước đây chị N khai bà L1 mượn 10 chỉ vàng 24k nhưng nay chị N và anh Đ thỏa thuận phân chia tài sản nên chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L1 trình bày:*

Bà không có mượn 10 chỉ vàng 24k của chị N và anh Đ. Sau khi kết hôn, chị N gửi vàng cho mẹ ruột của chị N để quản lý dùm. Sau này bà có gọi điện thoại nói với bà L là đưa số vàng này cho chị N và anh Đ bán để làm vốn làm ăn. Anh Đ và chị N đã bán hết số vàng này để mua vật dụng, tài sản để bán đồ tươi. Bà L1 xác định không có mượn 10 chỉ vàng 24k của chị N và anh Đ nên không đồng ý yêu cầu của chị N. Tuy nhiên, nay chị N và anh Đ tự thỏa thuận phân chia tài sản bà không có ý kiến gì.

Đối với diện tích đất ngang 4m, dài 6,5m là của bà L1 và căn nhà xây dựng trên đất vào năm 2016 là do bà xuất tiền ra xây dựng cho chị N và anh Đ để ở. Nay chị N và anh Đ ly hôn bà xác định là tài sản của bà nên bà nhận lại tài sản để quản lý sử dụng. Chị N và anh Đ không yêu cầu phân chia bà không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phương N và anh Lê Minh Đ kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị N xin ly hôn anh Đ đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định *"Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng..."*. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân chị N và anh Đ không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị N và anh Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Gồm có 01 võ com posite hiệu Hữu Vui dài 6,7m, 01 máy xe hiệu Kubota, 01 bình đề máy xe hiệu Rạng Đông, 01 thùng loa hiệu TAT theo anh Đ và chị N xác định tổng trị giá còn lại của các tài sản nêu trên là 10.000.000 đồng. Anh chị thỏa thuận giao tất cả các tài sản trên cho anh Đ được hưởng, anh Đ phải trừ lại giá trị tài sản được hưởng để trả lại cho chị N 02 chỉ vàng 24k. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản của các đương sự và thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với 01 căn nhà lợp tol, xây mặt gió, vách lá xây dựng trên phần đất ngang 4m, dài 6,5m chị N và anh Đ xác định của bà L1 và không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị N về việc yêu cầu bà L trả cho vợ chồng chị 10 chỉ vàng 24k nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N và anh Đ thỏa thuận phân chia tài sản nên chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Chị N và anh Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm do các đương sự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản trước khi Tòa án mở phiên tòa nên chị N anh Đ phải chịu 50% mức án phí theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Chị N phải chịu 179.000 đồng: Do giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.580.000 đồng/chỉ x 2 chỉ = 7.160.000 đồng x 2,5% = 179.000 đồng; anh Đ phải chịu 71.000 đồng: 2.840.000 x 2,5% = 71.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 16, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chị Nguyễn Phương N và anh Lê Minh Đ là vợ chồng.

2. Về chia tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Phương N và anh Lê Minh Đ giao cho anh Đ được hưởng 01 võ Composite hiệu Hữu Vui dài 6,7m, 01 máy xe hiệu Kubota, 01 bình đề máy xe hiệu Rạng Đông, 01 thùng loa hiệu TAT, anh Đ phải trả lại cho chị N 02 (hai) chỉ vàng 24k.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Phương N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Phương N phải chịu 179.000đ (một trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Ngày 02 tháng 10 năm 2017 đã dự nộp 740.000 (bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tại biên lai số 0009092 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ chị N được nhận lại 261.000 (hai trăm sáu mươi mốt nghìn đồng); Án phí dân sự sơ thẩm anh Lê Minh Đ phải chịu 71.000đ (bảy mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung